



**Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0103018458 ngày 23 tháng 7 năm 2007
Đăng ký Kinh doanh số

Giấy Chứng nhận 0102325399 ngày 19 tháng 4 năm 2011
Đăng ký Doanh nghiệp số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102325399 cấp ngày 1 tháng 8 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng nhận 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016
Đăng ký Đầu tư số

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp.

Hội đồng Quản trị

Nguyễn Thanh Hà	Chủ tịch
Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch
Nguyễn Thanh Hùng	Phó Chủ tịch
Chu Việt Cường	Thành viên
Lưu Đức Khánh	Thành viên
Đinh Việt Phương	Thành viên
Donal Boylan	Thành viên

(từ ngày 19 tháng 4 năm 2019)

Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Phương Thảo	Tổng Giám đốc
Lưu Đức Khánh	Giám đốc Điều hành
Nguyễn Đức Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Lương Thế Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Đinh Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Thúy Bình	Phó Tổng Giám đốc
Tô Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Đức Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc
Đỗ Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Hồ Ngọc Yến Phương	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Trần Dương Ngọc Thảo
Đoàn Thu Hương
Phạm Văn Đậu

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

302/3 Phố Kim Mã
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình
Thành phố Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 55 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Nguyễn Thị Phương Thảo
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Hàng không VietJet

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 8 năm 2019, được trình bày từ trang 6 đến trang 55.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn nhân sự chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 19-01-00297-19-2



Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chong Kwang Puay
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		21.574.622.210.868	19.079.292.916.555
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	4.915.033.484.217	7.164.923.007.451
Tiền	111		1.531.737.593.806	3.648.963.007.451
Các khoản tương đương tiền	112		3.383.295.890.411	3.515.960.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		785.400.000.000	816.900.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	990.000.000.000	990.000.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	(412.000.000.000)	(174.500.000.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(c)	207.400.000.000	1.400.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.841.449.608.722	10.272.635.073.584
Phải thu của khách hàng	131	10	4.099.831.626.438	2.910.376.745.299
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11(a)	239.884.531.402	129.927.091.931
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	652.062.360.000	499.804.692.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	9.849.671.090.882	6.732.526.544.354
Hàng tồn kho	140	14	632.756.880.052	468.729.305.585
Tài sản ngắn hạn khác	150		399.982.237.877	356.105.529.935
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	336.214.114.036	299.977.931.264
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		441.154.762	976.845.974
Thuế phải thu Nhà Nước	153	20(b)	63.326.969.079	55.150.752.697

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		21.430.262.235.702	20.006.886.184.114
Các khoản phải thu dài hạn	210		12.122.691.285.431	10.577.336.637.830
Trả trước cho người bán dài hạn	212	11(b)	701.500.000.000	701.500.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	11.421.191.285.431	9.875.836.637.830
Tài sản cố định	220		1.872.374.862.994	1.646.373.479.969
Tài sản cố định hữu hình	221	15	1.870.074.448.078	1.643.191.617.368
<i>Nguyên giá</i>	222		2.240.376.509.926	1.935.603.226.243
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(370.302.061.848)	(292.411.608.875)
Tài sản cố định vô hình	227	16	2.300.414.916	3.181.862.601
<i>Nguyên giá</i>	228		29.978.011.655	29.952.011.655
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(27.677.596.739)	(26.770.149.054)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.492.077.756.997	1.233.005.676.006
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	1.492.077.756.997	1.233.005.676.006
Đầu tư tài chính dài hạn	250		68.424.629.818	68.424.629.818
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	60.000.000.000	60.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	9(b)	7.868.448.000	7.868.448.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(c)	556.181.818	556.181.818
Tài sản dài hạn khác	260		5.874.693.700.462	6.481.745.760.491
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	5.874.693.700.462	6.481.745.760.491
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		43.004.884.446.570	39.086.179.100.669

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		27.475.889.581.351	25.047.675.864.087
Nợ ngắn hạn	310		17.342.438.156.550	14.940.720.495.496
Phải trả người bán	311	19	1.107.874.043.243	923.662.972.703
Người mua trả tiền trước	312		615.212.321.541	688.665.229.378
Thuế phải nộp Nhà nước	313	20(a)	369.935.183.333	204.549.133.354
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.134.664.137.742	1.937.678.519.133
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	2.053.273.956.666	2.732.382.333.601
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.694.634.416.313	1.585.059.989.261
Vay ngắn hạn	320	24(a)	7.308.038.889.993	4.957.780.032.953
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	2.058.805.207.719	1.910.942.285.113
Nợ dài hạn	330		10.133.451.424.801	10.106.955.368.591
Phải trả dài hạn khác	337		36.812.784.180	16.177.476.792
Vay dài hạn	338	24(b)	545.219.641.100	572.231.674.577
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	26	384.799.531.526	374.787.926.130
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	9.166.619.467.995	9.143.758.291.092
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		15.528.994.865.219	14.038.503.236.582
Vốn chủ sở hữu	410	27	15.528.994.865.219	14.038.503.236.582
Vốn cổ phần	411	28	5.416.113.340.000	5.416.113.340.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		245.949.492.805	245.949.492.805
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		170.034.254.770	119.103.575.688
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.695.733.600.849	8.255.509.576.829
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.164.176.795	1.827.251.260
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		43.004.884.446.570	39.086.179.100.669

Ngày 30 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc kiêm
 Giám đốc Tài chính



Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	31	24.556.450.782.769	21.221.912.133.769
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	32	21.187.023.155.505	18.223.403.626.452
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.369.427.627.264	2.998.508.507.317
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	215.456.829.009	137.235.050.043
Chi phí tài chính	22	34	589.206.959.495	493.502.100.801
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>140.571.532.313</i>	<i>111.749.080.626</i>
Phần lỗ trong các công ty liên kết	24		(46.761.120.311)	(39.878.326.404)
Chi phí bán hàng	25	35	493.313.423.771	319.740.991.234
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	182.159.328.570	125.694.351.091
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		2.273.443.624.126	2.156.927.787.830
Thu nhập khác	31		19.915.824.861	2.475.346.709
Chi phí khác	32		112.857.552	63.104.809
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		19.802.967.309	2.412.241.900
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.293.246.591.435	2.159.340.029.730
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	302.062.702.484	115.627.911.379
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	10.011.605.396	44.842.906.140
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.981.172.283.555	1.998.869.212.211

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.981.172.283.555	1.998.869.212.211
Phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty	61		1.981.835.358.020	1.998.784.298.562
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	62		(663.074.465)	84.913.649
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	3.659	3.690

Ngày 30 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc kiêm
 Giám đốc Tài chính

Lưu Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/ 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.293.246.591.435	2.159.340.029.730
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	78.797.900.658	69.967.738.616
Các khoản dự phòng	03	237.500.000.000	119.500.000.000
Giá trị thời gian của đồng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng	03	207.275.098.908	198.615.316.599
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.621.059.499	63.637.703.576
Lãi tiền gửi và cho vay	05	(190.501.239.929)	(92.177.056.810)
Phần lỗ trong các công ty liên kết	05	46.761.120.311	39.878.326.404
Thu nhập cổ tức	05	(2.832.636.000)	(2.832.636.000)
Chi phí lãi vay	06	140.571.532.313	111.749.080.626
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.814.439.427.195	2.667.678.502.741
Biến động các khoản phải thu	09	(3.555.376.342.752)	(1.763.094.617.139)
Biến động hàng tồn kho	10	(164.027.574.467)	(61.285.233.833)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(258.945.297.928)	44.169.205.055
Biến động chi phí trả trước	12	570.815.877.257	803.052.035.836
		(593.093.910.695)	1.690.519.892.660
Tiền lãi vay đã trả	14	(137.236.545.016)	(110.707.439.267)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(191.072.596.651)	(18.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(921.403.052.362)	1.561.812.453.393
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(267.423.499.897)	(471.714.476.239)
Đặt cọc mua máy bay, tiền thuần	21	(2.694.957.373.965)	(653.967.992.831)
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn, mua trái phiếu doanh nghiệp và cho đơn vị khác vay	23	(356.000.000.000)	(559.055.555.556)
Tiền thu hồi trái phiếu doanh nghiệp	24	-	103.555.555.556
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25	-	(1.132.840.350.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay và cổ tức	27	115.688.192.373	87.352.299.704
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(3.202.692.681.489)	(2.626.670.519.366)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Tiền thu từ đi vay	33 14.480.981.264.502	16.669.176.086.721
Tiền trả nợ gốc vay	34 (12.169.711.810.451)	(16.652.089.581.643)
Tiền chi trả cổ tức	36 (543.108.881.500)	(933.173.304.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40 1.768.160.572.551	(916.086.799.822)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50 (2.355.935.161.300)	(1.980.944.865.795)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60 7.164.923.007.451	6.861.601.955.584
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61 55.114.958.984	1.578.751.914
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	61 50.930.679.082	57.185.627.669
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70 4.915.033.484.217	4.939.421.469.372

Ngày 30 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Hồ Ngọc Yến Phương
 Phó Tổng Giám đốc kiêm
 Giám đốc Tài chính

Đinh Đức Khánh
 Giám đốc Điều hành



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và vận chuyển hàng hóa trên các tuyến đường bay nội địa và quốc tế và các hoạt động hỗ trợ liên quan và mua bán tàu bay.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có 6 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2019: 6 công ty con và 2 công ty liên kết) như sau:

Tên	Nơi thành lập	Các hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích sở hữu/ Quyền biểu quyết	
				30/6/2019	1/1/2019
<i>Các công ty con</i>					
Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo	Việt Nam	Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ liên quan.	Số 0312759089 ngày 27 tháng 8 năm 2014	90%	90%
Vietjet Air IVB No. I Limited (i)	British Virgin Islands	Kinh doanh và cho thuê tàu bay.	Số 1825671 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air IVB No. II Limited (i)	British Virgin Islands	Kinh doanh và cho thuê tàu bay.	Số 1825613 ngày 27 tháng 5 năm 2014	100%	100%

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên	Nơi thành lập	Các hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ lợi ích sở hữu/ Quyền biểu quyết	
				30/6/2019	1/1/2019
Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. (i)	Singapore	Kinh doanh tàu bay.	Số 201408849N ngày 27 tháng 3 năm 2014	100%	100%
Vietjet Air Ireland No. 1 Limited (i)	Ireland	Kinh doanh và cho thuê tàu bay.	Số 544879 ngày 3 tháng 6 năm 2014	100%	100%
Skymate Limited (i)	Cayman Islands	Kinh doanh tàu bay.	Số 327015 ngày 15 tháng 9 năm 2017	100%	100%
<i>Các công ty liên kết</i>					
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited (i) (ii) (iii)	Thái Lan	Cung cấp dịch vụ vận chuyên hàng hóa và hành khách và các dịch vụ liên quan khác.	Số 0105556100551 ngày 25 tháng 6 năm 2013	9%	9%
Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (ii)	Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận chuyên hàng không.	Số 4201676638 ngày 5 tháng 2 năm 2016	10%	10%

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn chưa góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết này. Hoạt động của các công ty này chủ yếu được hỗ trợ bởi Công ty.
- (ii) Công ty có ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này bởi vì Công ty có quyền bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.
- (iii) Vào ngày 25 tháng 9 năm 2018, Công ty đã ký thỏa thuận với Quince Investment Limited. và Asia Aero Services and Infrastructure Co., Ltd. về quyền mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu trong Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited lên 38% trước 2021. Giá mua của các cổ phần này bằng với mệnh giá.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có 4.354 nhân viên (1/1/2019: 3.938 nhân viên).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Thay đổi trong chính sách kế toán

Trong kỳ, Tập đoàn đã thay đổi chính sách kế toán và áp dụng hồi tố đối với chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi quy bảo trì tàu bay cho phục hồi hiệu suất động cơ và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ để trình bày thông tin liên quan hơn về tác động của giao dịch trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Xem Thuyết minh 4(m) để biết thêm chi tiết.

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ thay đổi chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh 4(m).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (“NCI”) được xác định theo tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua. Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản mục đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản bình quân của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, hợp đồng hợp tác kinh doanh và phải thu về cho vay. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(f) Chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng tàu bay

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động tàu bay, Tập đoàn có nghĩa vụ về mặt pháp lý và nghĩa vụ theo hợp đồng đối với hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa tàu bay trong suốt thời gian thuê và phải đóng góp các khoản thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng tàu bay cho bên cho thuê tàu bay. Quỹ bảo dưỡng tàu bay được ghi nhận là phải thu ngắn hạn và phải thu dài hạn khác khi không có sự không chắc chắn đáng kể về khả năng nhận được các khoản hoàn trả từ bên cho thuê tàu bay. Các khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay được tính toán dựa trên hiệu suất hoạt động, như giờ bay hoặc số lần cất hạ cánh, và phải hoàn trả theo hợp đồng cho Tập đoàn khi Tập đoàn hoàn thành các hoạt động bảo dưỡng bắt buộc cho tàu bay thuê bao gồm thay thế các bộ phận có thời gian sử dụng giới hạn, phục hồi hiệu suất động cơ, kiểm tra cấu trúc chính của khung tàu bay, đại tu bộ phận hạ cánh và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ (APU). Phần còn lại của quỹ bảo dưỡng tàu bay nếu có sau khi kết thúc thời hạn thuê sẽ thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê tàu bay.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các khoản giảm giá từ nhà sản xuất, nếu có, được giảm trừ vào nguyên giá của tài sản liên quan. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ tàu bay và các bộ phận	10 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua tàu bay chưa hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn

Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn tàu bay thuê được vốn hóa và phân bổ trong khoảng thời gian ngắn hơn giữa thời gian tính đến lần kiểm tra tiếp theo hoặc thời gian tính đến hết thời gian thuê còn lại.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phụ tùng quay vòng

Phụ tùng quay vòng với thời gian hữu dụng ước tính dài hơn 1 năm được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính không quá 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 5 năm.

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo dưỡng thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng tàu bay

Chính sách áp dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động tàu bay giữa Tập đoàn và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Tập đoàn có nghĩa vụ phải bảo dưỡng tàu bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng tàu bay (“MPD”), được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất tàu bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Tập đoàn trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bởi quỹ bảo dưỡng tàu bay. Dự phòng chi phí bảo dưỡng tàu bay thuộc phạm vi của quỹ bảo dưỡng tàu bay được xác định bằng cách chiết khấu các khoản chi phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính cho lần bảo dưỡng tiếp theo được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế đến lần bảo dưỡng tiếp theo. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu, giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chính sách áp dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019

Theo các điều khoản của hợp đồng thuê hoạt động tàu bay giữa Tập đoàn và bên cho thuê và theo yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam, Tập đoàn có nghĩa vụ phải bảo dưỡng tàu bay thường xuyên và định kỳ theo Kế hoạch Bảo dưỡng của từng tàu bay, được xây dựng dựa trên hướng dẫn của các nhà sản xuất tàu bay. Bảo dưỡng thường xuyên được thực hiện bằng chi phí riêng của Tập đoàn trong khi bảo dưỡng định kỳ được tài trợ bởi quỹ bảo dưỡng tàu bay. Chi phí dự phòng trong phạm vi quỹ bảo dưỡng, trừ phục hồi hiệu suất động cơ và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ, được thực hiện bằng cách chiết khấu các khoản chi phí bảo dưỡng dự kiến phát sinh trong tương lai dựa trên kế hoạch của đội bay hiện tại. Trong thời gian thuê, chi phí bảo dưỡng ước tính cho lần bảo dưỡng tiếp theo được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ dựa trên thời gian và chu kỳ bay thực tế đến lần bảo dưỡng tiếp theo. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu, giá trị thời gian của đồng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chi phí bảo dưỡng ước tính cho phục hồi hiệu suất động cơ và sửa chữa lớn thiết bị cung cấp năng lượng phụ trợ được trích trước và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian ước tính giữa các lần bảo dưỡng theo tỷ lệ chi phí trên thời gian bay hoặc chu kỳ bay thực tế và ước tính thời gian bay hoặc chu kỳ bay giữa các lần bảo dưỡng.

Thay đổi chính sách kế toán không có ảnh hưởng trọng yếu đến bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

(ii) Dự phòng chi phí hoàn trả tài sản thuê

Đối với các hợp đồng thuê hoạt động tàu bay, trong đó yêu cầu Tập đoàn trả lại tàu bay trong tình trạng đáp ứng được một số điều kiện bảo trì nhất định, chi phí hoàn trả tài sản thuê được ước tính tại ngày bắt đầu thuê dựa trên giá trị hiện tại của các khoản chi phí dự kiến phát sinh trong tương lai vào thời điểm kết thúc hợp đồng thuê để Tập đoàn có thể đáp ứng được các điều kiện nhất định để hoàn trả các tàu bay cho bên cho thuê, bao gồm các mức độ bảo trì nhất định cũng như việc thu xếp các chuyến bay thử lần cuối, chi phí kiểm tra, hải quan và rút tên đăng ký, tháo bỏ các bộ phận và thiết bị gắn thêm của Tập đoàn (nếu có) và hoàn trả tàu bay đến địa điểm cụ thể. Tại ngày bắt đầu thuê, chi phí hoàn trả ước tính được ghi nhận vào dự phòng với khoản tương ứng ghi vào chi phí trả trước dài hạn. Chi phí trả trước dài hạn này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu, giá trị thời gian của đồng tiền đã được chiết khấu của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu vận chuyển hành khách

Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn. Giá trị của các vé chưa được sử dụng và các phí dịch vụ liên quan khác được ghi nhận là doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong nợ ngắn hạn. Các vé không được hoàn lại thông thường hết hạn vào ngày dự định bay, ngoại trừ trường hợp ngày này được kéo dài ra theo yêu cầu có trả phí từ phía khách hàng vào hoặc trước ngày dự định bay. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu. Doanh thu vận chuyển hành khách được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn.

(ii) Doanh thu hoạt động phụ trợ

Doanh thu hoạt động phụ trợ bao gồm doanh thu vận chuyển hàng hóa, doanh thu dịch vụ hành lý, doanh thu từ các dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách, doanh thu bán hàng hóa trên tàu bay và trong cửa hàng miễn thuế, doanh thu quảng cáo và hoa hồng bán hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán hoặc dịch vụ bị trả lại.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Doanh thu từ vận chuyển hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển được cung cấp.

Doanh thu từ dịch vụ hành lý được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ vận chuyển hành khách liên quan được cung cấp hoặc khi vé máy bay hết hạn.

Doanh thu từ dịch vụ liên quan đến vận chuyển hành khách như phí thay đổi hoặc gia hạn các vé không được hoàn lại được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ khi được hưởng. Các khoản phí điều chỉnh liên quan đến các vé không được hoàn lại được ghi nhận như là một giao dịch riêng biệt với vận chuyển hành khách và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi tính cho hành khách.

Doanh thu bán hàng hóa trên tàu bay và trong cửa hàng miễn thuế được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu từ quảng cáo và hoa hồng bán hàng được ghi nhận là doanh thu hoạt động phụ trợ khi được hưởng.

(iii) Doanh thu vận chuyển hành khách theo chuyến

Doanh thu vận chuyển hành khách theo chuyến được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ được cung cấp. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê tàu bay

Doanh thu cho thuê tàu bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng cho thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Doanh thu chuyển quyền sở hữu tàu bay

Doanh thu chuyển quyền sở hữu tàu bay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tàu bay được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng tàu bay bị trả lại.

Giao dịch bán và thuê lại tài sản

Tập đoàn có các giao dịch bán và thuê lại tài sản là giao dịch mà trong đó tài sản được Tập đoàn bán và sau đó được chính Tập đoàn thuê lại. Phương pháp kế toán áp dụng cho các giao dịch bán và thuê lại tài sản được thực hiện căn cứ theo phân loại giao dịch thuê tài sản.

Đối với giao dịch bán và thuê lại tài sản là thuê hoạt động:

- Nếu giá bán được thỏa thuận ở mức giá trị hợp lý, tức là đã thực hiện một nghiệp vụ bán hàng thông thường thì các khoản lãi hay lỗ được ghi nhận ngay trong kỳ khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Nếu giá bán thấp hơn giá trị hợp lý thì các khoản lãi hoặc lỗ cũng phải được ghi nhận ngay trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp khoản lỗ được bù đắp bằng tiền thuê trong tương lai ở một mức giá thuê thấp hơn giá thuê thị trường. Trường hợp này khoản lỗ không được ghi nhận ngay mà phải phân bổ dần vào chi phí phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng;
- Nếu giá bán cao hơn giá trị hợp lý thì khoản chênh lệch cao hơn giá trị hợp lý phải được phân bổ dần vào thu nhập phù hợp với khoản thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian mà tài sản đó được dự kiến sử dụng.
- Nếu giá trị hợp lý tại thời điểm bán và thuê hoạt động lại tài sản thấp hơn giá trị còn lại của tài sản, khoản lỗ bằng số chênh lệch giữa giá trị còn lại và giá trị hợp lý phải được ghi nhận ngay trong kỳ khi phát sinh.

(vi) Doanh thu chuyển quyền thương mại tàu bay

Doanh thu chuyển quyền thương mại tàu bay không hoàn lại được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng quyền thương mại tàu bay bị trả lại.

(vii) Doanh thu từ dịch vụ khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(viii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ix) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Cho mục đích quản lý, Tập đoàn có 2 bộ phận hoạt động kinh doanh như sau:

- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa, các dịch vụ phụ trợ, cho thuê tàu bay và quảng cáo trên tàu bay (gọi chung là “dịch vụ hàng không”); và
- Mua bán tàu bay và các tài sản liên quan.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trừ các hoạt động nêu trên, Tập đoàn không có bộ phận hoạt động kinh doanh nào khác được tổng hợp để hình thành các bộ phận hoạt động kinh doanh khác phải báo cáo. Thông tin bộ phận cho tổng doanh thu và giá vốn hàng bán được trình bày trong Thuyết minh 31 và Thuyết minh 32 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Không có doanh thu nội bộ giữa các bộ phận hoạt động kinh doanh. Tất cả tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, thu nhập khác và chi phí khác của Tập đoàn là không phân bổ được.

Ban Giám đốc xác định bộ phận hoạt động kinh doanh dựa trên các báo cáo đã được soát xét và sử dụng để ra quyết định chiến lược.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Doanh thu của Tập đoàn được trình bày theo khu vực địa lý (theo quốc gia ở điểm đến) như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Trong Việt Nam	9.237.429.973.459	9.105.503.572.383
Ngoài Việt Nam	15.319.020.809.310	12.116.408.561.386
	<hr/>	<hr/>
	24.556.450.782.769	21.221.912.133.769

Tài sản và chi tiêu vốn theo bộ phận của Tập đoàn chủ yếu là ở Việt Nam.

6. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tập đoàn chủ yếu tham gia vào việc cung cấp các dịch vụ vận chuyển hàng không và do đó, phụ thuộc vào nhu cầu thời vụ của hoạt động vận chuyển hàng không. Với giả định không thay đổi về số lượng đường bay và số lượng máy bay hoạt động, doanh thu của Tập đoàn cho nửa đầu năm thường có xu hướng cao hơn nửa cuối năm. Tính thời vụ của dịch vụ vận chuyển hàng không này phù hợp với kỳ vọng của Ban Giám đốc Công ty. Kết quả của hoạt động bán máy bay không chịu ảnh hưởng của tính thời vụ.

7. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác so với các ước tính này. Trong kỳ, Ban Giám đốc đã thay đổi một số ước tính kế toán liên quan đến các bộ phận của động cơ máy bay có thời gian sử dụng giới hạn khi hoàn trả tàu bay so với những ước tính kế toán thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất hoặc so với những ước tính kế toán thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ trước. Xem Thuyết minh 25 cho biến động của khoản dự phòng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 trong đó đã phản ánh ảnh hưởng của các thay đổi trong ước tính kế toán.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Tiền mặt	8.236.400.442	8.101.759.707
Tiền gửi ngân hàng	1.523.501.193.364	3.640.861.247.744
Các khoản tương đương tiền	3.383.295.890.411	3.515.960.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.915.033.484.217	7.164.923.007.451

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và các giấy tờ có giá tại các ngân hàng với thời hạn gốc đến ngày đáo hạn dưới 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm từ 5,5% đến 8,0% trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 5,5%).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn có các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi có kỳ hạn với số tiền là 940 tỷ VND (1/1/2019: 1.749 tỷ VND), chứng chỉ tiền gửi với số tiền là 205 tỷ VND (1/1/2019: 700 tỷ VND) và giấy tờ có giá với số tiền là 300 tỷ VND tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDBank”), một bên liên quan với các điều khoản giao dịch thông thường.



Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm khoản đầu tư vào cổ phiếu của Tổng Công ty Dầu Việt Nam như sau:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	50.000.000	990.000.000.000	412.000.000.000	578.000.000.000
			50.000.000	990.000.000.000
				174.500.000.000
				815.500.000.000

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu tại ngày báo cáo được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tham chiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 28 tháng 6 năm 2019 và ngày 28 tháng 12 năm 2018.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2019		1/1/2019	
	% Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết	VND	% Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết	VND
Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết				
▪ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	9%	-	9%	-
▪ Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	10%	60.000.000.000	10%	60.000.000.000
		<u>60.000.000.000</u>		<u>60.000.000.000</u>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác				
▪ Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn	4%	7.868.448.000	4%	7.868.448.000
▪ Angelica Holding Limited (*)	10%	-	10%	-
		<u>7.868.448.000</u>		<u>7.868.448.000</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào công ty này, một công ty được thành lập tại Cayman Islands. Hoạt động chính của công ty này và các công ty con là cung cấp dịch vụ tư vấn và cho thuê tàu bay.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	207.400.000.000	1.400.000.000
Dài hạn		
▪ Hợp đồng hợp tác đầu tư	556.181.818	556.181.818

Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng hưởng lãi suất năm từ 5,5% đến 8,0% trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 5,5%).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Hangzhou BaoLi Co., Ltd	1.530.350.418.908	1.542.729.107.253
Angelica Holding Limited	1.029.829.418.611	-
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	718.483.566.245	412.080.273.720
World Go International Co., Ltd	82.360.476.802	38.456.118.847
Apricot Aircraft Company (Ireland) 8605 Limited	861.669.406	299.279.375.000
Aviation Solutions (Thailand) Co., Ltd	-	442.061.960
Các khách hàng khác	737.946.076.466	617.389.808.519
	4.099.831.626.438	2.910.376.745.299

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Thuyết	30/6/2019	1/1/2019
	minh	VND	VND
Công ty liên kết			
Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	(i)	718.483.566.245	412.080.273.720
Các bên liên quan khác			
Angelica Holding Limited	(ii)	1.029.829.418.611	-
World Go International Co., Ltd	(iii)	82.360.476.802	38.456.118.847
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	(iii)	1.194.271.342	8.186.200
Apricot Aircraft Company (Ireland) 8605 Limited	(iii)	861.669.406	299.279.375.000
Công ty Cổ phần Du lịch Bắc Mỹ An	(iii)	-	25.738.288

- (i) Các khoản phải thu từ công ty liên kết không được bảo đảm, hưởng lãi suất năm là 5,5% trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: không) và có thể thu được khi có yêu cầu.
- (ii) Các khoản phải thu từ bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và sẽ thu hồi trước ngày 31 tháng 12 năm 2019.
- (iii) Các khoản phải thu từ các bên liên quan không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán

(a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trả trước cho dịch vụ sửa chữa động cơ	104.725.112.010	86.093.582.599
Trả trước cho thuê văn phòng	69.720.143.074	-
Trả trước cho các dịch vụ sân bay	32.028.647.441	10.784.181.148
Trả trước khác	33.410.628.877	33.049.328.184
	<hr/>	<hr/>
	239.884.531.402	129.927.091.931

(b) Trả trước cho người bán dài hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Hợp đồng hợp tác đầu tư	701.500.000.000	701.500.000.000

Trả trước cho người bán dài hạn phản ánh khoản đóng góp của Tập đoàn để xây dựng một khu phức hợp văn phòng và khu dân cư tại số 18E Cộng Hòa, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 01/2016/VJA-TĐĐB ngày 2 tháng 6 năm 2016 hợp tác với Công ty Cổ phần Thương mại Thùy Dương – Đức Bình. Tập đoàn sẽ được nhận 15.547 m² diện tích văn phòng và 13.409 m² diện tích khu dân cư và sử dụng các khu vực này làm văn phòng và ký túc xá của Tập đoàn.

12. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Loại	Lãi	Năm đáo	30/6/2019	1/1/2019
	tiền	suất	hạn	VND	VND
Phải thu về cho vay từ:					
▪ AAA Aircraft Asset Company Limited	USD	2,5%	2019	502.062.360.000	499.804.692.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Việt	VND	6,5%	2019	150.000.000.000	-
				<hr/>	<hr/>
				652.062.360.000	499.804.692.000

Phải thu về cho vay từ các bên liên quan không có đảm bảo.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Các bên liên quan			
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	(i)	1.026.122.950.213	682.477.343.933
Khoản phải thu khác từ Angelica Holding Limited (Thuyết minh 13(b))		147.875.000.000	147.875.000.000
Chi phí trả hộ Apricot Aircraft Company (Ireland) 8577 Limited	(ii)	40.931.937.133	13.457.758.507
Chi phí trả hộ Apricot Aircraft Company (Ireland) 8605 Limited	(ii)	24.175.106.815	10.822.745.608
Chi phí trả hộ Apricot Aircraft Company (Ireland) 8592 Limited	(ii)	16.890.123.489	11.492.488.965
Phải thu từ thanh lý các công ty con cho Angelica Aircraft Assets Limited	(ii)	8.718.889.185	16.271.500.000
Các bên thứ ba			
Đặt cọc mua tàu bay nhận trong 12 tháng tiếp theo		5.153.704.936.131	3.475.240.954.627
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê		2.078.881.774.817	1.184.688.761.520
Khoản chiết khấu mua hàng phải thu		344.541.584.356	523.752.417.852
Phải thu từ quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê		254.321.478.322	237.582.261.399
Tạm ứng cho nhân viên		193.357.293.893	145.318.654.281
Đặt cọc mua cổ phiếu		142.840.350.000	142.840.350.000
Đặt cọc dịch vụ mặt đất		117.399.264.921	57.512.041.265
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay		100.895.206.007	23.249.522.451
Ủy thác đầu tư thay cho Tập đoàn	(iii)	19.426.390.810	-
Phải thu ngắn hạn khác		179.588.804.790	59.944.743.946
		9.849.671.090.882	6.732.526.544.354

- (i) Khoản phải thu từ công ty liên kết không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm là 5,5% trong kỳ (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: không) và có thể thu được khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản phải thu từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.
- (ii) Khoản này thể hiện số tiền ủy thác cho các nhân sự của Tập đoàn để thay mặt Tập đoàn mua khoản đầu tư vốn chủ sở hữu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, giao dịch này vẫn chưa hoàn thành.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	Thuyết minh	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Các bên liên quan			
Chi phí trả hộ Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	(i)	468.344.946.987	468.344.946.987
Khoản phải thu khác từ Angelica Holding Limited	(ii)	295.750.000.000	295.750.000.000
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê cho Apricot Aircraft Assets Limited	(iii)	167.106.574.419	109.056.626.997
Đặt cọc thuê tàu bay cho Apricot Aircraft Assets Limited	(iii)	36.963.576.000	36.844.236.000
Các bên thứ ba			
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê		5.324.682.767.444	5.460.891.081.018
Đặt cọc mua tàu bay nhận sau 12 tháng tiếp theo		3.423.930.574.688	2.407.437.182.227
Đặt cọc thuê tàu bay		1.130.452.902.975	1.046.702.306.276
Đặt cọc thuê tòa nhà văn phòng và trung tâm thương mại		506.300.000.000	-
Phải thu dài hạn khác		67.659.942.918	50.810.258.325
		11.421.191.285.431	9.875.836.637.830

- (i) Khoản phải thu từ công ty liên kết không có đảm bảo, không hưởng lãi và được thu hồi toàn bộ vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (ii) Khoản phải thu khác từ bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và được thanh toán trong thời gian 3 năm.
- (iii) Theo hợp đồng thuê, các khoản đặt cọc cho bên liên quan không đảm bảo, không hưởng lãi và sẽ hoàn trả cho Tập đoàn tại ngày kết thúc hợp đồng thuê cho khoản đặt cọc thuê tàu bay và ngày hoàn thành việc bảo dưỡng theo yêu cầu của tàu bay thuê cho khoản đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê.

14. Hàng tồn kho

	30/6/2019		1/1/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ và dụng cụ	629.455.049.014	-	461.585.964.571	-
Hàng hóa	3.301.831.038	-	7.143.341.014	-
	632.756.880.052	-	468.729.305.585	-

Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Tàu bay và các bộ phận VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.869.439.499.382	22.488.636.024	25.135.924.361	18.539.166.476	1.935.603.226.243
Tăng trong kỳ	-	1.323.405.000	421.236.364	-	1.744.641.364
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	303.028.642.319	-	-	-	303.028.642.319
Số dư cuối kỳ	2.172.468.141.701	23.812.041.024	25.557.160.725	18.539.166.476	2.240.376.509.926
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	248.308.137.207	16.562.626.105	13.565.763.515	13.975.082.048	292.411.608.875
Khấu hao trong kỳ	69.798.827.274	5.792.112.650	1.164.832.429	1.134.680.620	77.890.452.973
Số dư cuối kỳ	318.106.964.481	22.354.738.755	14.730.595.944	15.109.762.668	370.302.061.848
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	1.621.131.362.175	5.926.009.919	11.570.160.846	4.564.084.428	1.643.191.617.368
Số dư cuối kỳ	1.854.361.177.220	1.457.302.269	10.826.564.781	3.429.403.808	1.870.074.448.078

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 có các tài sản với nguyên giá là 23.700 triệu VND (1/1/2019: 19.860 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 756.980 triệu VND (1/1/2019: 781.624 triệu VND) được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Quân đội (thuyết minh 24b).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	29.952.011.655
Tăng trong kỳ	26.000.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	29.978.011.655
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	26.770.149.054
Phân bổ trong kỳ	907.447.685
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	27.677.596.739
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.181.862.601
Số dư cuối kỳ	2.300.414.916
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 20.637 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 (1/1/2019: 20.637 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.233.005.676.006	222.031.597.270
Tăng trong kỳ	562.100.723.310	742.312.800.130
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(303.028.642.319)	(311.014.198.525)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.492.077.756.997	653.330.198.875
	<hr/>	<hr/>

Trong kỳ, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 11.594 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 22.483 triệu VND).

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Mua tàu bay và các bộ phận	936.149.185.275	723.043.453.818
Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Kỹ thuật Hàng không	516.411.811.120	473.769.722.188
Khác	39.516.760.602	36.192.500.000
	1.492.077.756.997	1.233.005.676.006
	1.492.077.756.997	1.233.005.676.006

18. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí thuê tàu bay trả trước	307.134.059.050	280.592.905.521
Chi phí bảo dưỡng tàu bay trả trước	26.553.605.738	19.375.890.925
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.526.449.248	9.134.818
	336.214.114.036	299.977.931.264
	336.214.114.036	299.977.931.264

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí bảo dưỡng tàu bay VND	Chi phí hoàn trả tài sản thuế VND	Chi phí kiểm tra và sửa chữa lớn VND	Phụ tùng xoay vòng, công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	5.720.653.521.463	565.982.665.674	108.437.500.275	85.964.515.548	707.557.531	6.481.745.760.491
Tăng trong kỳ	451.655.014.172	41.939.989.202	10.459.895.947	14.389.851.594	905.628.006	519.350.378.921
Phân bổ trong kỳ	(852.667.448.475)	(35.153.173.961)	(41.832.366.401)	(30.513.973.353)	(1.006.836.611)	(961.173.798.801)
Xóa sổ	(165.228.640.149)	-	-	-	-	(165.228.640.149)
Số dư cuối kỳ	5.154.412.447.011	572.769.480.915	77.065.029.821	69.840.393.789	606.348.926	5.874.693.700.462

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	30/6/2019	1/1/2019
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	559.418.231.082	358.790.499.261
CFM International SA	82.613.198.509	846.652.635
MTU Maintenance Zhuhai Co., Ltd	82.835.968.901	-
SR Technics Switzerland Ltd	78.019.129.605	67.645.408.624
Lufthansa Technik Aktiengesellschaft	77.602.993.952	85.225.886.410
The Civil Aviation Administration of China's Settlement Center	56.411.547.301	52.386.483.371
Hamilton Sundstrand	25.357.396.698	106.774.686.440
Pratt & Whitney Canada	23.228.148.959	-
Các nhà cung cấp khác	122.387.428.236	251.993.355.962
	<hr/>	<hr/>
	1.107.874.043.243	923.662.972.703
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2019 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	Phân loại lại VND	30/6/2019 VND
20. Thuế						
(a) Thuế phải nộp Nhà nước						
Thuế giá trị gia tăng	67.172.238.551	1.014.095.560.691	(318.549.349.931)	(686.080.256.166)	-	76.638.193.145
Thuế thu nhập cá nhân	30.423.288.123	306.268.045.706	(267.583.976.758)	-	-	69.107.357.071
Thuế nhà thầu nước ngoài	21.220.061	47.918.238.673	(49.848.534.451)	-	8.203.342.171	6.294.266.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106.932.386.619	302.062.702.484	(191.072.596.651)	(27.125.789)	-	217.895.366.663
	204.549.133.354	1.670.344.547.554	(827.054.457.791)	(686.107.381.955)	8.203.342.171	369.935.183.333
(b) Thuế phải thu Nhà nước						
Thuế nhà thầu nước ngoài						
Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	54.954.537.040			-	8.203.342.171	63.157.879.211
	196.215.657			(27.125.789)	-	169.089.868
	55.150.752.697			(27.125.789)	8.203.342.171	63.326.969.079

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Chi phí liên quan đến tàu bay	1.856.901.584.013	1.609.617.893.751
Chi phí bảo trì	172.243.605.506	137.923.043.709
Lương tháng 13	36.101.708.592	45.268.451.601
Chi phí lãi vay	12.213.848.080	8.878.860.783
Chi phí khác	57.203.391.551	135.990.269.289
	<hr/>	<hr/>
	2.134.664.137.742	1.937.678.519.133
	<hr/>	<hr/>

22. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Doanh thu vận chuyển hành khách và hoạt động phụ trợ nhận trước, sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng tiếp theo	2.053.273.956.666	2.732.382.333.601
	<hr/>	<hr/>

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Các bên liên quan		
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	57.792.973.550	59.290.521.050
Phí tư vấn phải trả cho Công ty Cổ phần Sovico	8.114.919.875	7.306.110.821
Các khoản phải trả khác cho Thai Vietjet Air Joint Stock Company Limited	761.552.086	12.717.070.372
Các khoản phải trả khác cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	889.221.668
Các bên thứ ba		
Lệ phí sân bay phải trả	1.145.959.733.914	959.306.960.036
Đặt cọc ngắn hạn đã nhận	429.485.979.101	487.358.535.248
Phải trả ngắn hạn khác	52.519.257.787	58.191.570.066
	<hr/>	<hr/>
	1.694.634.416.313	1.585.059.989.261
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả cho các bên liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2019	30/6/2019
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
	Tăng VND	Đánh giá lại VND
	Biến động trong kỳ Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	4.892.447.982.953	7.242.706.839.993
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	65.332.050.000	-
	14.480.981.264.502	6.678.062.989
	14.513.292.604.502	6.678.062.989
	(12.137.400.470.451)	(12.169.711.810.451)
	32.311.340.000	(32.311.340.000)
	65.332.050.000	65.332.050.000
	4.957.780.032.953	7.308.038.889.993

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Các khoản vay được đảm bảo			
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, một bên liên quan			
Khoản vay 1	USD	1.338.926.923.902	1.224.380.942.780
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam			
Khoản vay 2	USD	990.366.106.333	-
Các khoản vay không được đảm bảo			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam			
Khoản vay 3	VND	1.236.755.797.009	-
Khoản vay 4	USD	235.423.495.478	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			
Khoản vay 5	VND	1.748.367.067.541	1.378.354.608.081
Ngân hàng TMCP Quân đội			
Khoản vay 6	VND	668.058.652.266	1.364.639.205.779
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam			
Khoản vay 7	VND	463.623.058.911	22.484.736.412
Ngân hàng Citibank, N.A, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh			
Khoản vay 8	VND	343.031.153.057	317.121.228.150
BNP Paris Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh			
Khoản vay 9	VND	215.958.611.826	-
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Woori Việt Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh			
Khoản vay 10	VND	2.195.973.670	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Satona, một bên liên quan			
Khoản vay 11	VND	-	150.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Hướng Dương Sunny, một bên liên quan			
Khoản vay 12	VND	-	300.000.000.000
Ngân hàng United Overseas Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh			
Khoản vay 13	VND	-	135.467.261.751
		7.242.706.839.993	4.892.447.982.953

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, các khoản vay trên chịu lãi suất năm từ 5,0% đến 5,5% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 3,5% đến 5,3%) cho các khoản vay bằng VND và từ 2,9% đến 3,1% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 2,0% đến 2,6%) cho các khoản vay bằng USD.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, khoản vay 1 được bảo đảm bằng nguồn thu phát sinh từ hoạt động bán vé máy bay trong tương lai với giá trị ước tính là 5.070 tỷ VND (1/1/2019: 4.997 tỷ VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, khoản vay 2 được bảo đảm bằng quyền và đặt cọc bán và thuê lại 3 tàu bay với Angelica Aircraft Assets Limited, một bên liên quan với giá trị là 42.693.318 USD (tương đương 993 tỷ VND).

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	LIBOR 6 tháng + 2,7%	2017 – 2028	610.551.691.100	637.563.724.577
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(a))				(65.332.050.000)	(65.332.050.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				545.219.641.100	572.231.674.577

Số dư nợ gốc vay này được hoàn trả trong 24 kỳ 6 tháng, mỗi kỳ trả 1,4 triệu USD (tương đương 33 tỷ VND) và kỳ cuối cùng trả 1,5 triệu USD (tương đương 35 tỷ VND) vào ngày 13 tháng 6 năm 2028.

Theo Hợp đồng Nguyên tắc số 24012017/HDNT/MB-VJ ngày 24 tháng 1 năm 2017 giữa Tập đoàn và bên cho vay, Tập đoàn cũng tham gia vào giao dịch hoán đổi tiền tệ và lãi suất với bên cho vay nhằm quản trị ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ giá và lãi suất của khoản vay này. Theo Hợp đồng này, Tập đoàn sẽ nhận USD từ bên cho vay để thanh toán khoản nợ gốc và tiền lãi liên quan; và trả VND tương đương cho bên cho vay theo tỷ giá cố định là 22.575 VND/USD và lãi suất năm cố định là 7,5% cho giai đoạn từ ngày 24 tháng 1 năm 2017 đến ngày 13 tháng 12 năm 2019. Các khoản thanh toán được thực hiện vào cuối mỗi kỳ sáu tháng và ngày thanh toán đầu tiên là ngày 13 tháng 6 năm 2017.

Chi tiết các tài sản bảo đảm cho khoản vay này như sau:

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tàu bay số hiệu A320 MSN7167, VNA675 (Thuyết minh 15)	756.980.565.945	781.624.125.287

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Dự phòng chi phí bảo dưỡng VND	Dự phòng hoàn trả tài sản thuê VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	10.251.477.067.489	803.223.508.716	11.054.700.576.205
Dự phòng lập trong kỳ	783.697.126.136	41.939.989.202	825.637.115.338
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu	177.927.395.239	29.347.703.669	207.275.098.908
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(405.169.224.913)	-	(405.169.224.913)
Dự phòng xóa sổ trong kỳ	(474.125.902.848)	-	(474.125.902.848)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.107.013.024	-	17.107.013.024
Số dư cuối kỳ	10.350.913.474.127	874.511.201.587	11.225.424.675.714
Ngắn hạn	2.006.489.399.369	52.315.808.350	2.058.805.207.719
Dài hạn	8.344.424.074.758	822.195.393.237	9.166.619.467.995
	10.350.913.474.127	874.511.201.587	11.225.424.675.714

26. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/6/2019 VND	1/1/2019 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng phải trả	2.245.084.935.142	2.210.940.115.241
Chi phí phải trả	40.871.415.314	43.733.453.444
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.285.956.350.456	2.254.673.568.685
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chi phí trả trước dài hạn	(1.145.436.385.585)	(1.257.327.237.428)
Đóng góp vào quỹ bảo dưỡng tàu bay thuê	(1.514.134.223.336)	(1.350.927.293.907)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(11.185.273.061)	(21.206.963.480)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.670.755.881.982)	(2.629.461.494.815)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần	(384.799.531.526)	(374.787.926.130)

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.513.432.840.000	245.949.492.805	23.916.098.372	5.809.062.955.579	1.773.131.355	10.594.134.518.111
Cổ tức	-	-	-	(902.686.568.000)	-	(902.686.568.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.998.784.298.562	84.913.649	1.998.869.212.211
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	64.173.647.669	-	-	64.173.647.669
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	4.513.432.840.000	245.949.492.805	88.089.746.041	6.905.160.686.141	1.858.045.004	11.754.490.809.991
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	5.416.113.340.000	245.949.492.805	119.103.575.688	8.255.509.576.829	1.827.251.260	14.038.503.236.582
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	(541.611.334.000)	-	(541.611.334.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.981.835.358.020	(663.074.465)	1.981.172.283.555
Chênh lệch quy đổi ngoại tệ các hoạt động ở nước ngoài	-	-	50.930.679.082	-	-	50.930.679.082
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	5.416.113.340.000	245.949.492.805	170.034.254.770	9.695.733.600.849	1.164.176.795	15.528.994.865.219

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2019		1/1/2019	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt				
Cổ phiếu phổ thông	541.611.334	5.416.113.340.000	541.611.334	5.416.113.340.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	541.611.334	5.416.113.340.000	541.611.334	5.416.113.340.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	541.611.334	5.416.113.340.000	541.611.334	5.416.113.340.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

29. Cổ tức

Vào ngày 8 tháng 4 năm 2019, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phân phối khoản cổ tức bằng tiền là 542 tỷ VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018: 903 tỷ VND).

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản cho thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải thu cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	735.034.537.920	1.964.902.315.523
Trong vòng 2 đến 5 năm	2.513.822.607.930	2.322.518.414.799
Sau 5 năm	1.730.569.122.856	1.681.262.713.214
	4.979.426.268.706	5.968.683.443.536

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	6.982.106.087.577	6.623.172.447.382
Trong vòng 2 đến 5 năm	24.988.587.550.094	24.306.776.163.118
Sau 5 năm	31.057.270.055.497	29.217.736.273.881
	63.027.963.693.168	60.147.684.884.381

(c) Ngoại tệ

	30/6/2019		1/1/2019	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	42.222.963	980.839.439.085	116.101.560	2.698.780.761.594

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2019	1/1/2019
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng (i)	462.500.000.000	462.500.000.000
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng (ii)	3.287.778.492.217	3.324.500.929.909
	3.750.278.492.217	3.787.000.929.909

(i) Ngoài các cam kết trên, Tập đoàn cũng có các thỏa thuận và hợp đồng cam kết sau:

Công ty đã ký một thỏa thuận khung và các phụ lục liên quan với Airbus S.A.S để mua 121 tàu bay và với Boeing Company để mua tàu bay. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019, Công ty đã nhận được 58 chiếc tàu bay, các tàu bay còn lại dự kiến sẽ tiếp tục được chuyển giao cho Công ty đến năm 2025. Để trang bị các tàu bay này, Công ty đã đặt mua 106 động cơ từ CFM International S.A và 90 động cơ từ United Technologies Corporation (Pratt & Whitney Division), bao gồm thỏa thuận cung cấp dịch vụ bảo dưỡng động cơ.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo các hợp đồng mua bán tàu bay, các cam kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 liên quan đến các khoản thanh toán trước khi giao các tàu bay còn lại (bao gồm động cơ) là 2.936 triệu USD.

Vào ngày 31 tháng 5 năm 2017, Công ty đã ký một thỏa thuận với Honeywell Aviation Services mua 98 bộ phát năng lượng tự động cho các tàu bay Airbus. Thỏa thuận này kéo dài đến năm 2022 và bao gồm dịch vụ bảo trì cho 12 năm.

- (ii) Khoản cam kết này liên quan đến việc phát triển Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Kỹ thuật Hàng không tại Khu Công nghệ cao Sài Gòn, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số 2357762445 ngày 30 tháng 12 năm 2016 do Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Vận chuyển hành khách		
▪ Nội địa	6.416.656.627.990	6.892.812.429.457
▪ Quốc tế bao gồm vận chuyển hành khách theo chuyến	6.865.247.693.368	4.553.008.992.658
▪ Doanh thu hoạt động phụ trợ	5.436.713.184.654	3.807.135.161.736
▪ Cho thuê chuyến bay không thường lệ và cho thuê ướm tàu bay	273.128.656.971	1.006.281.969.397
	<hr/>	<hr/>
	18.991.746.162.983	16.259.238.553.248
Doanh thu từ chuyển quyền sở hữu và thương mại tàu bay	5.052.315.510.519	4.702.287.716.000
Doanh thu từ cho thuê khô tàu bay	342.550.906.065	166.872.274.802
Doanh thu khác	169.838.203.202	93.513.589.719
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	24.556.450.782.769	21.221.912.133.769
Trong đó:		
▪ Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ hàng không	19.504.135.272.250	16.519.624.417.769
▪ Doanh thu từ chuyển quyền sở hữu và thương mại tàu bay	5.052.315.510.519	4.702.287.716.000
	<hr/>	<hr/>
	24.556.450.782.769	21.221.912.133.769

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí khôi phục khai thác bay	14.505.039.641.585	11.127.434.679.274
Giá vốn của chuyển quyền sở hữu tàu bay	3.488.449.786.082	3.857.061.360.089
Chi phí kỹ thuật	1.601.334.430.433	1.640.529.336.689
Chi phí khôi phục dịch vụ và khai thác mặt đất	1.271.451.694.986	1.295.978.932.836
Chi phí dịch vụ vận chuyển hàng hóa	102.338.427.022	86.429.769.431
Chi phí khôi phục an toàn, an ninh và đảm bảo chất lượng bay	20.587.781.564	16.653.223.069
Chi phí khác	197.821.393.833	199.316.325.064
	21.187.023.155.505	18.223.403.626.452
Trong đó:		
▪ Tổng giá vốn cung cấp dịch vụ hàng không	17.698.573.369.423	14.366.342.266.363
▪ Tổng giá vốn của chuyển quyền sở hữu tàu bay	3.488.449.786.082	3.857.061.360.089
	21.187.023.155.505	18.223.403.626.452

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	190.501.239.929	92.177.056.810
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	22.095.863.118	41.249.173.948
Cổ tức	2.832.636.000	2.832.636.000
Thu nhập tài chính khác	27.089.962	976.183.285
	215.456.829.009	137.235.050.043

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Giá trị thời gian của dòng tiền đã được chiết khấu của các khoản dự phòng	207.275.098.908	198.615.316.599
Chi phí lãi vay	140.571.532.313	111.749.080.626
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	237.500.000.000	119.500.000.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	239.268.775	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	3.621.059.499	63.637.703.576
	589.206.959.495	493.502.100.801

35. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng và đặt chỗ	244.707.812.439	166.244.281.300
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	187.440.690.825	95.197.044.911
Chi phí nhân viên	53.788.127.339	41.569.956.082
Chi phí khấu hao và phân bổ	199.327.169	217.385.722
Chi phí khác	7.177.465.999	16.512.323.219
	493.313.423.771	319.740.991.234

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Chi phí nhân viên	86.447.821.988	50.964.537.892
Chi phí thuê văn phòng	16.622.727.112	13.490.539.584
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.192.781.843	1.164.035.347
Chi phí bảo hiểm	240.704.727	100.171.713
Chi phí khác	77.655.292.900	59.975.066.555
	182.159.328.570	125.694.351.091

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí nhiên liệu	7.486.429.339.620	6.300.407.792.239
Chi phí mua máy bay	3.488.449.786.082	3.857.061.360.089
Chi phí nhân viên và nhân công	2.260.839.074.808	1.539.425.316.919
Chi phí khấu hao và phân bổ	78.797.900.658	69.967.738.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.350.653.512.227	5.824.553.790.755
Chi phí khác	197.326.294.451	1.077.422.970.159

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	302.062.702.484	115.627.911.379
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	10.011.605.396	38.709.022.985
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	6.133.883.155
	10.011.605.396	44.842.906.140
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	312.074.307.880	160.470.817.519

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.293.246.591.435	2.159.340.029.730
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	458.649.318.287	431.868.005.946
Ảnh hưởng của thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(176.866.200.101)	(170.324.295.918)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.766.383.391	118.525.452
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	27.524.806.303	7.973.947.683
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	6.133.883.155
Ưu đãi thuế	-	(115.299.248.799)
	312.074.307.880	160.470.817.519

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Các công ty thành lập tại Việt Nam

Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet

Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách và hàng hóa công cộng, theo các quy định và luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm tính từ năm hoạt động đầu tiên và mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho những năm tiếp theo. Các điều khoản trong quy định thuế hiện hành cũng cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm bắt đầu từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014) và giảm 50% thuế thu nhập cho 3 năm tiếp theo (2016, 2017 và 2018).

Đối với các hoạt động khác, theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông áp dụng cho Công ty chưa tính các ưu đãi là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo

Công ty Cổ phần VietjetAir Cargo có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(ii) Các công ty thành lập tại British Virgin Islands

Vietjet Air IVB No. I Limited và Vietjet Air IVB No. II Limited

Thu nhập hoặc lợi nhuận tại British Virgin Islands không chịu thuế.

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công ty thành lập tại Singapore

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd.

Vietjet Air Singapore Pte. Ltd. có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế.

(iv) Công ty thành lập tại Ireland

Vietjet Air Ireland No. 1 Limited

Vietjet Air Ireland No. 1 Limited có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 12,5% trên lợi nhuận tính thuế.

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được tính dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	1.981.835.358.020	1.998.784.298.562

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Số cổ phiếu	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2019	30/6/2018
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	541.611.334	451.343.284
Ảnh hưởng của cổ tức bằng cổ phiếu phát hành trong tháng 7 năm 2018	-	90.268.050
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	541.611.334	541.611.334

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2019 VND	30/6/2018 VND
Các công ty mà cổ đông có ảnh hưởng đáng kể		
Tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	4.780.000.000.000	7.945.269.500.000
Mua trái phiếu doanh nghiệp và giấy tờ có giá	704.650.000.000	103.555.555.556
Thu nhập lãi tiền gửi	35.632.361.111	69.412.136.906
Vay	3.068.597.229.028	5.397.424.591.381
Chi phí lãi vay	17.945.518.447	13.566.149.015
Chi phí dịch vụ tư vấn	7.959.162.636	-
Dịch vụ đã cung cấp	-	909.726.430
Các công ty liên kết		
Doanh thu từ cho thuê tàu bay	308.605.734.702	134.049.784.796
Thu nhập lãi cho vay	65.758.175.116	-
Doanh thu từ dịch vụ đặt chỗ	39.292.560.800	-
Phí dịch vụ kinh doanh và phí giấy phép thương hiệu	38.381.003.386	13.934.786.975
Chi phí chi hộ, dòng tiền chi trả thuần	446.033.801.229	126.863.028.790
Các bên liên quan khác		
Chuyển quyền thương mại tàu bay	1.013.340.510.519	-
Tạm ứng	-	443.625.000.000
Chi phí thuê tàu bay	110.875.816.954	108.180.734.785
Đặt cọc quỹ bảo dưỡng tàu bay	58.049.947.422	51.520.081.385
Đặt cọc thuê tàu bay	-	36.499.704.432
Cho vay	150.000.000.000	-
Thu nhập lãi vay	6.504.311.298	-
Mua dịch vụ xây dựng	297.130.704.402	403.408.819.827
Dịch vụ đã cung cấp	193.089.139.300	167.071.961.960
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát		
Thù lao và lương	13.786.315.602	9.526.865.297

Công ty Cổ phần Hàng không VietJet và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2019 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch đầu tư phi tiền tệ

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30/6/2019 30/6/2018
VND VND

Cần trừ phải trả mua tài sản cố định với phải thu ngắn hạn khác

296.447.864.777 275.829.198.525

42. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019

Người lập:

Hoàng Mạnh Hà
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Hồ Ngọc Yến Phương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Giám đốc Tài chính

Lưu Đức Khánh
Giám đốc Điều hành

